

Số: **04** /2012/TT-BTTTT

Hà Nội, ngày 13 tháng 4 năm 2012

THÔNG TƯ

Quy định về quản lý thuê bao di động trả trước

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 187/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Thông tin và Truyền thông, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 50/2011/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2011;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Viễn thông;

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư Quy định về quản lý thuê bao di động trả trước.

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về quản lý thuê bao di động trả trước bao gồm hoạt động đăng ký, lưu giữ và sử dụng các thông tin thuê bao và số thuê bao của cá nhân, người đứng tên đại diện cho cơ quan, tổ chức sử dụng dịch vụ viễn thông di động mặt đất trả trước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Cơ quan hành chính nhà nước các cấp có liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý và sử dụng dịch vụ di động trả trước.
2. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông di động.
3. Đại lý phân phối SIM thuê bao.
4. Chủ điểm đăng ký thông tin thuê bao.
5. Chủ thuê bao di động trả trước.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Dịch vụ viễn thông di động mặt đất trả trước (sau đây gọi tắt là dịch vụ di động trả trước) là dịch vụ mà người sử dụng dịch vụ phải trả tiền trước cho doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông di động thông qua hình thức nạp tiền vào tài khoản thuê bao di động được gán với thẻ SIM trả trước hoặc máy đầu cuối di động trả trước (loại không dùng thẻ SIM) hoặc các hình thức tương tự khác.

2. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông di động (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ di động) là doanh nghiệp viễn thông được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp phép thiết lập mạng, cung cấp dịch vụ viễn thông di động mặt đất.

3. Đại lý phân phối SIM thuê bao là tổ chức, cá nhân giao kết hợp đồng với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ di động hoặc với Đại lý phân phối SIM thuê bao có giao kết hợp đồng với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ di động làm đại lý để bán lại SIM cho các tổ chức, cá nhân khác.

4. Chủ điểm đăng ký thông tin thuê bao là tổ chức, cá nhân đã ký kết hợp đồng ủy quyền tiếp nhận đăng ký thông tin thuê bao với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ di động.

5. Chủ thuê bao di động trả trước (sau đây gọi tắt là chủ thuê bao) là cá nhân, người đứng tên đại diện cho cơ quan, tổ chức sử dụng dịch vụ viễn thông di động trả trước, bao gồm:

a) Chủ thuê bao sử dụng dịch vụ di động trả trước;

b) Chủ thuê bao sử dụng các dịch vụ viễn thông di động trả trước khác theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

6. Cơ sở dữ liệu thông tin thuê bao di động trả trước là tập hợp các trang thiết bị (bao gồm cả phần cứng và phần mềm) được liên kết với nhau để phục vụ việc cập nhật, lưu giữ, quản lý và sử dụng thông tin thuê bao của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ di động.

7. SIM là bộ xác định thuê bao được dùng trong thiết bị đầu cuối thuê bao di động để chứa thông tin về số thuê bao di động, dịch vụ của thuê bao và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ di động. SIM có ba loại sau:

a) SIM chưa đăng ký thông tin thuê bao là SIM đã được khai báo số thuê bao di động, đã được khai báo dịch vụ, có hoặc chưa có tiền trong tài khoản và chưa có thông tin chủ thuê bao trên cơ sở dữ liệu thông tin thuê bao;

b) SIM đã đăng ký thông tin thuê bao là SIM đã được khai báo số thuê bao di động, đã được khai báo dịch vụ, có hoặc chưa có tiền trong tài khoản (tài

khoản bao gồm tài khoản gốc, khuyến mại) và đã có thông tin chủ thuê bao trên cơ sở dữ liệu thông tin thuê bao sau khi người sử dụng đăng ký thông tin thuê bao theo quy định tại Thông tư này. SIM đã đăng ký thông tin thuê bao có hai loại:

- Chưa kích hoạt đưa vào sử dụng.
- Đã kích hoạt đưa vào sử dụng ở trạng thái mở hai chiều hoặc khóa một chiều hoặc khóa hai chiều nhưng còn thời hạn sử dụng theo quy định;

c) SIM đa năng là SIM ngoài các chức năng của SIM thuê bao được quy định tại Khoản a, Khoản b Điều này còn có chức năng đăng ký thông tin thuê bao trực tuyến.

Điều 4. Nguyên tắc đăng ký, lưu giữ và sử dụng thông tin thuê bao

1. Phương thức, thủ tục đăng ký phải hợp lý, đơn giản; không gây phiền hà và không làm phát sinh thêm chi phí cho chủ thuê bao.

2. Đảm bảo thông tin thuê bao được đăng ký, lưu giữ thống nhất, tập trung, tin cậy và sử dụng đúng mục đích.

3. Đảm bảo bí mật thông tin thuê bao theo quy định của pháp luật, trừ các trường hợp sau đây:

- a) Chủ thuê bao đồng ý cho cung cấp các thông tin của mình;
- b) Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ di động có thỏa thuận bằng văn bản với nhau về việc trao đổi, cung cấp thông tin thuê bao để quản lý cước phí sử dụng và ngăn chặn hành vi trốn tránh thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng của chủ thuê bao;
- c) Khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động đăng ký, lưu giữ và sử dụng thông tin thuê bao di động trả trước

1. Sử dụng chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu của người khác để đăng ký thông tin thuê bao.

2. Sử dụng chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu của mình để đăng ký thông tin thuê bao cho người khác trừ trường hợp quy định tại Khoản 2, Điều 7 của Thông tư này.

3. Kích hoạt dịch vụ di động trả trước cho thuê bao khi chính chủ thuê bao vẫn chưa thực hiện việc đăng ký thông tin thuê bao theo quy định.

4. Mua bán, lưu thông trên thị trường SIM đã được kích hoạt sẵn dịch vụ di động trả trước khi chưa đăng ký thông tin thuê bao theo quy định (chưa đăng ký

thông tin thuê bao hoặc đăng ký thông tin không theo quy định tại Điều 7 của Thông tư này).

5. Tiết lộ, sử dụng thông tin thuê bao di động trả trước trái pháp luật.

6. Mua bán, lưu thông, sử dụng SIM đa năng để đăng ký thông tin thuê bao, thiết bị có chức năng kích hoạt SIM thuê bao không cần phải bẻ SIM.

CHƯƠNG II

ĐĂNG KÝ, LƯU GIỮ VÀ SỬ DỤNG THÔNG TIN THUÊ BAO DI ĐỘNG TRẢ TRƯỚC

Điều 6. Đối tượng đăng ký

Mọi đối tượng quy định tại Khoản 5 Điều 3 đều phải đăng ký thông tin thuê bao, bao gồm:

1. Chủ thuê bao mua SIM mới để sử dụng dịch vụ di động trả trước.
2. Chủ thuê bao đang sử dụng dịch vụ di động trả trước nhưng chưa đăng ký thông tin thuê bao.
3. Chủ thuê bao thay đổi thông tin thuê bao đã đăng ký.

Điều 7. Thủ tục đăng ký thông tin thuê bao

1. Các chủ thuê bao được quy định tại Điều 6 phải đến đăng ký trực tiếp tại điểm đăng ký thông tin thuê bao để cung cấp số thuê bao, xuất trình chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) đối với người có quốc tịch Việt Nam, hộ chiếu đang còn thời hạn sử dụng đối với người có quốc tịch nước ngoài, giấy giới thiệu cùng với bản sao Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép thành lập của cơ quan, tổ chức đối với người đại diện cho cơ quan, tổ chức cho nhân viên hoặc chủ điểm đăng ký thông tin thuê bao (sau đây gọi là nhân viên giao dịch); điền thông tin đăng ký vào “Bản khai thông tin thuê bao di động trả trước” theo mẫu thống nhất do doanh nghiệp ban hành.

2. Đối với người dưới 14 tuổi (không có chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu) phải có bố mẹ hoặc người giám hộ theo quy định của pháp luật đứng bảo lãnh đăng ký.

3. Nội dung của Bản khai thông tin thuê bao di động trả trước tối thiểu phải có đầy đủ thông tin dưới đây:

a) Đối với chủ thuê bao là cá nhân quốc tịch Việt Nam:

- Số máy thuê bao đầy đủ (mã mạng và số thuê bao);
- Họ và tên đầy đủ của chủ thuê bao (theo chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu);

- Ngày tháng năm sinh của chủ thuê bao;
- Số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu, nơi cấp, ngày cấp của chủ thuê bao (đang còn trong thời hạn sử dụng).

b) Đối với chủ thuê bao là cá nhân quốc tịch nước ngoài:

- Số máy thuê bao đầy đủ (mã mạng và số thuê bao);
- Họ và tên đầy đủ của chủ thuê bao (theo hộ chiếu);
- Ngày tháng năm sinh của chủ thuê bao;
- Quốc tịch của chủ thuê bao;
- Số hộ chiếu, nơi cấp, ngày cấp của chủ thuê bao (đang còn trong thời hạn sử dụng);
- Thị thực (Visa) còn thời hạn lưu hành tại Việt Nam.

c) Đối với chủ thuê bao là người đứng tên đại diện cho cơ quan, tổ chức:

- Số máy thuê bao đầy đủ (mã mạng và số thuê bao);
- Tên gọi và địa chỉ giao dịch của cơ quan, tổ chức (theo giấy giới thiệu);
- Họ và tên đầy đủ của người đứng tên đại diện;
- Ngày tháng năm sinh của người đứng tên đại diện;
- Số chứng minh nhân dân, số hộ chiếu, nơi cấp, ngày cấp của người đứng tên đại diện (đang còn trong thời hạn sử dụng).

4. Khi tiếp nhận đăng ký thông tin thuê bao, nhân viên giao dịch phải yêu cầu chủ thuê bao cung cấp bản sao chứng minh nhân dân, hộ chiếu để lưu giữ, bản gốc để đối chiếu; sao (photocopy) hoặc quét (scan) lại chứng minh nhân dân, hộ chiếu (đối với các điểm đăng ký thông tin thuê bao tại các phường thuộc các quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh); kiểm tra và đối chiếu với thông tin trong “Bản khai thông tin thuê bao di động trả trước”. Trong trường hợp phát hiện bản khai thông tin thuê bao không đúng với chứng minh nhân dân, hộ chiếu xuất trình; hoặc chứng minh nhân dân, hộ chiếu không hợp lệ thì nhân viên giao dịch không được chấp nhận thông tin đăng ký và phải thông báo cho chủ thuê bao biết.

5. Bản sao hoặc quét chứng minh nhân dân, hộ chiếu và số liệu thông tin thuê bao đã được đăng ký hợp lệ tại điểm đăng ký thông tin thuê bao phải được cập nhật vào cơ sở dữ liệu tập trung của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ di động chậm nhất là 12 giờ kể từ khi tiếp nhận được bản khai đăng ký thông tin thuê bao cùng với tên, địa chỉ của chủ điểm đăng ký thông tin thuê bao đã tiếp nhận đăng ký qua đường kết nối internet giữa điểm đăng ký thông tin thuê bao với

doanh nghiệp cung cấp dịch vụ di động. Không được sử dụng dịch vụ nhắn tin, điện thoại, Fax và SIM đa năng để đăng ký và chuyển thông tin thuê bao.

6. Chỉ sau khi đã hoàn thành việc cập nhật thông tin thuê bao được đăng ký hợp lệ vào cơ sở dữ liệu tập trung của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ di động thì doanh nghiệp cung cấp dịch vụ di động mới được đáp ứng nhu cầu kích hoạt của chủ thuê bao đối với số thuê bao đã được đăng ký.

7. Chủ thuê bao có thuê bao đã kích hoạt đưa vào sử dụng ở trạng thái mở hai chiều hoặc khóa một chiều hoặc khóa hai chiều nhưng còn thời hạn sử dụng theo quy định nếu chuyển quyền sử dụng cho người khác thì người nhận chuyển quyền sử dụng phải đăng ký lại thông tin thuê bao chậm nhất 10 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận chuyển quyền sử dụng.

Điều 8. Điểm đăng ký thông tin thuê bao

1. Việc đăng ký thông tin thuê bao được thực hiện tại:

a) Điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng có người phục vụ của doanh nghiệp viễn thông;

b) Điểm đăng ký thông tin thuê bao được doanh nghiệp cung cấp dịch vụ di động ký hợp đồng ủy quyền tiếp nhận đăng ký thông tin thuê bao.

2. Điểm đăng ký thông tin thuê bao phải có đầy đủ các điều kiện sau:

a) Điều kiện về pháp lý:

- Đối với chủ điểm đăng ký thông tin thuê bao là cá nhân, phải là người có quốc tịch Việt Nam từ 18 tuổi trở lên, có giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hợp lệ và còn thời hạn theo quy định;

- Đối với chủ điểm đăng ký thông tin thuê bao là doanh nghiệp phải có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hợp lệ;

- Có cam kết thực hiện đúng các quy định về quản lý thuê bao di động trả trước với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ di động ký hợp đồng ủy quyền tiếp nhận đăng ký thông tin thuê bao.

b) Điều kiện tối thiểu về địa điểm và nhân viên giao dịch:

- Có địa điểm đăng ký thông tin thuê bao cố định, địa chỉ cụ thể, rõ ràng, có mặt bằng dành riêng làm điểm tiếp nhận đăng ký thông tin thuê bao điện thoại di động trả trước, có quyền sử dụng hợp pháp địa điểm và mặt bằng này;

- Có diện tích mặt bằng dành riêng tối thiểu là 20m² đối với các điểm đăng ký thông tin thuê bao tại các phường thuộc các quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Có diện tích mặt bằng dành riêng tối thiểu là 10m² đối với các điểm đăng ký thông tin thuê bao tại các xã tại các vùng còn lại;

- Có niêm yết quy trình và thủ tục đăng ký thông tin thuê bao điện thoại di động trả trước;

- Nhân viên giao dịch và chủ điểm đăng ký thông tin thuê bao được doanh nghiệp cung cấp dịch vụ di động tập huấn, đào tạo về quy trình, thủ tục đăng ký thông tin thuê bao.

c) Điều kiện tối thiểu về trang thiết bị:

- Có trang bị máy tính chứa phần mềm lưu giữ, đăng ký, quản lý thuê bao và được kết nối với doanh nghiệp viễn thông để truyền thông tin thuê bao về cơ sở dữ liệu của doanh nghiệp viễn thông;

- Có trang bị máy Photocopy hoặc máy Scan đối với các điểm đăng ký thông tin thuê bao tại các phường thuộc các quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

- Có biển hiệu Điểm đăng ký thông tin thuê bao.

3. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ di động chỉ được ký hợp đồng ủy quyền tiếp nhận đăng ký thông tin thuê bao di động trả trước đối với cá nhân, doanh nghiệp có đầy đủ các điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

Điều 9. Sử dụng hiệu quả kho số di động

1. Do kho số di động là hữu hạn, để bảo đảm sử dụng tiết kiệm, hiệu quả và công bằng tài nguyên viễn thông, mỗi một cá nhân chỉ được sử dụng số chứng minh nhân dân, hộ chiếu của mình để đăng ký tối đa ba (03) số thuê bao di động trả trước của mỗi mạng thông tin di động. Trường hợp cá nhân là người đứng tên đại diện cho cơ quan tổ chức chỉ được sử dụng số chứng minh nhân dân, hộ chiếu của mình để đăng ký tối đa một trăm (100) số thuê bao di động trả trước của mỗi mạng thông tin di động.

2. Thời gian doanh nghiệp lưu giữ số của thuê bao trên hệ thống sau khi thuê bao đã bị khoá 02 chiều là 30 ngày. Sau thời gian trên số thuê bao sẽ được tái sử dụng.

3. Chủ thuê bao bắt đầu sử dụng dịch vụ di động trả trước được quy định tại Khoản 1 Điều 6 chậm nhất 72 giờ kể từ khi hoàn thành đăng ký thông tin thuê bao tại điểm đăng ký thông tin thuê bao nếu không kích hoạt sử dụng dịch vụ thì thông tin thuê bao đã đăng ký sẽ bị hủy. Chủ thuê bao muốn sử dụng dịch vụ phải làm thủ tục như đối với thuê bao mới.

Điều 10. Lưu giữ thông tin thuê bao

1. Hệ thống cơ sở dữ liệu chứa thông tin thuê bao của doanh nghiệp được xây dựng tập trung và thống nhất trong từng doanh nghiệp cung cấp dịch vụ di động để thu thập, cập nhật, lưu giữ, quản lý thông tin thuê bao phải được tổ chức khoa học, tin cậy, an toàn.

2. Cơ sở dữ liệu thông tin thuê bao của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ di động phải đảm bảo sẵn sàng kết nối với cơ sở dữ liệu của các cơ quan quản lý nhà nước để sử dụng cho các trường hợp quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 11.

3. Bản khai thông tin thuê bao di động trả trước phải được lưu giữ bằng bản giấy trong thời gian tối thiểu mười hai (12) tháng kể từ ngày đăng ký để phục vụ việc kiểm tra, đối soát của cơ quan quản lý.

4. Bản sao chứng minh nhân dân, hộ chiếu phải được lưu giữ trong thời gian tối thiểu mười hai (12) tháng đối với bản giấy và năm (05) năm đối với bản mềm kể từ ngày đăng ký để phục vụ việc kiểm tra, đối soát của cơ quan quản lý.

Điều 11. Sử dụng thông tin thuê bao

Thông tin thuê bao chỉ được cung cấp, sử dụng cho các mục đích sau đây:

1. Phục vụ cho công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin.
2. Phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về mạng lưới, dịch vụ và quản lý tài nguyên viễn thông.
3. Phục vụ cho hoạt động quản lý, khai thác mạng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ di động.

Điều 12. Kiểm tra thông tin thuê bao

1. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ di động tổ chức và hướng dẫn phương thức truy cập (trên Website) và thông báo (bằng tin nhắn) để chủ thuê bao di động trả trước biết, truy cập, kiểm tra được thông tin thuê bao của chính số thuê bao mà mình đang sử dụng. Phương thức kiểm tra phải bảo đảm bí mật thông tin cho người sử dụng theo nguyên tắc là thuê bao chỉ kiểm tra được thông tin của số thuê bao đang sử dụng nhưng không kiểm tra được thông tin của các số thuê bao khác.

2. Đối với việc kiểm tra thông tin thuê bao bằng hình thức nhắn tin, để kiểm tra thông tin thuê bao đang sử dụng chủ thuê bao nhắn tin theo cú pháp TTTB gửi 1414. Sau khi nhận được bản tin từ chủ thuê bao gửi, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ di động phải gửi lại bản tin thông báo cho chủ thuê bao biết thông tin thuê bao đã đăng ký của chính số thuê bao đó bao gồm các nội dung chính sau: họ và tên; ngày sinh; số chứng minh nhân dân; nơi cấp.

CHƯƠNG III

TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN ĐĂNG KÝ VÀ QUẢN LÝ THUÊ BAO DI ĐỘNG TRẢ TRƯỚC

Điều 13. Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước

1. Bộ Thông tin và Truyền thông:

a) Chỉ đạo các đơn vị thuộc Bộ và các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ đi động động tổ chức tuyên truyền, phổ biến việc thực hiện Thông tư này trên các phương tiện thông tin đại chúng để hướng dẫn dư luận và người sử dụng dịch vụ;

b) Xây dựng, ban hành kế hoạch triển khai việc quản lý thuê bao đi động trả trước theo quy định này;

c) Hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong các hoạt động đăng ký, lưu giữ và sử dụng thông tin thuê bao đi động trả trước theo thẩm quyền và các quy định hiện hành của pháp luật;

d) Chủ trì phối hợp với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai việc quản lý thuê bao đi động trả trước theo quy định;

đ) Xây dựng hệ thống kỹ thuật kết nối tới các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ đi động phục vụ việc thu thập, lưu giữ, quản lý số liệu thuê bao đi động.

2. Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông:

a) Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh, thành phố để tuyên truyền, hướng dẫn các doanh nghiệp, đại lý thông tin đi động trên địa bàn trong đăng ký, lưu giữ và sử dụng thông tin thuê bao theo các quy định tại Thông tư này;

b) Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động đăng ký, lưu giữ và sử dụng thông tin thuê bao đi động trả trước trên địa bàn theo thẩm quyền, theo quy định hiện hành của pháp luật;

c) Khi thanh tra, kiểm tra, phát hiện được chủ điểm đăng ký thông tin thuê bao trên địa bàn vi phạm các hành vi bị nghiêm cấm quy định tại Điều 5 của Thông tư này và xử lý vi phạm hành chính theo quy định về quản lý thuê bao đi động trả trước, có văn bản yêu cầu doanh nghiệp cung cấp dịch vụ đi động chấm dứt hợp đồng ủy quyền với chủ điểm đăng ký thông tin thuê bao, đồng thời thông báo cho các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ đi động khác chấm dứt hoặc không được ký hợp đồng ủy quyền đối với chủ điểm đăng ký thông tin thuê bao này;

d) Khi thanh tra, kiểm tra, phát hiện được chủ điểm đăng ký thông tin thuê bao trên địa bàn vi phạm các quy định tại Khoản 2 Điều 8, có văn bản yêu cầu doanh nghiệp cung cấp dịch vụ đi động chấm dứt hợp đồng ủy quyền với chủ điểm đăng ký thông tin thuê bao.

Điều 14. Trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ đi động

1. Đầu tư xây dựng hệ thống kỹ thuật, cơ sở dữ liệu để thu thập, lưu giữ, quản lý thông tin thuê bao. Tổ chức vận hành, khai thác an toàn hệ thống trang

thiết bị phục vụ việc đăng ký, lưu giữ và sử dụng thông tin thuê bao theo các quy định tại Thông tư này. Tổ chức và phối hợp triển khai việc kết nối cơ sở dữ liệu thông tin thuê bao với cơ sở dữ liệu của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về viễn thông và an ninh quốc gia.

2. Triển khai điểm đăng ký thông tin thuê bao:

a) Tại mỗi phường, xã trên cả nước các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ di động chiếm thị phần không chế phải triển khai ít nhất một điểm đăng ký thông tin thuê bao bằng một trong các hình thức sau đây:

- Tự triển khai điểm đăng ký thông tin thuê bao của doanh nghiệp;
- Hợp tác với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ di động khác để cùng triển khai điểm đăng ký thông tin thuê bao;
- Ký hợp đồng ủy quyền cho Tổng công ty Bưu chính Việt Nam, Công ty cổ phần Bưu chính Viettel, Trung tâm Bưu chính Sài Gòn triển khai điểm đăng ký thông tin thuê bao tại các Bưu cục, điểm Bưu điện Văn hóa xã;
- Ký hợp đồng ủy quyền cho các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ di động khác để triển khai điểm đăng ký thông tin thuê bao tại các điểm đăng ký thông tin thuê bao mà các doanh nghiệp đó tự triển khai.

b) Tại mỗi quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ di động chiếm thị phần không chế phải tự triển khai ít nhất một điểm đăng ký thông tin thuê bao của doanh nghiệp. Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ di động khác phải triển khai ít nhất một điểm đăng ký thông tin thuê bao bằng một trong các hình thức sau đây:

- Tự triển khai điểm đăng ký thông tin thuê bao của doanh nghiệp;
- Hợp tác với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ di động khác để cùng triển khai điểm đăng ký thông tin thuê bao;
- Ký hợp đồng ủy quyền cho Tổng công ty Bưu chính Việt Nam, Công ty cổ phần Bưu chính Viettel, Trung tâm Bưu chính Sài Gòn triển khai điểm đăng ký thông tin thuê bao tại các Bưu cục, điểm Bưu điện Văn hóa xã;
- Ký hợp đồng ủy quyền cho các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ di động khác để triển khai điểm đăng ký thông tin thuê bao tại các điểm đăng ký thông tin thuê bao mà các doanh nghiệp đó tự triển khai.

3. Trên cơ sở kế hoạch triển khai quản lý thuê bao di động trả trước của Bộ Thông tin và Truyền thông, xây dựng, triển khai và báo cáo kế hoạch quản lý thuê bao di động trả trước của mình với Bộ Thông tin và Truyền thông.

4. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện quy trình, thủ tục đăng ký thông tin thuê bao quy định tại Điều 7.

5. Định kỳ theo quý và hết năm, cập nhật thông kê và báo cáo Sở Thông tin và Truyền thông về số liệu thuê bao, danh sách điểm đăng ký thông tin thuê bao trên địa bàn. Danh sách các điểm đăng ký thông tin thuê bao bao gồm các thông tin sau: tên; địa chỉ của chủ điểm đăng ký thông tin thuê bao kèm theo bản sao chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu; giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

6. Thực hiện việc ký hợp đồng ủy quyền đăng ký thông tin thuê bao di động trả trước với doanh nghiệp, cá nhân có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 8. Hợp đồng ủy quyền phải có điều khoản quy định doanh nghiệp cung cấp dịch vụ di động được đơn phương đình chỉ, chấm dứt hợp đồng khi chủ điểm đăng ký thông tin thuê bao vi phạm các quy định tại Điều 5 và Khoản 2 Điều 8 của Thông tư này và vi phạm các cam kết trong hợp đồng ủy quyền đã ký kết với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ di động.

7. Tổ chức phổ biến, hướng dẫn cho chủ điểm đăng ký thông tin thuê bao, chủ thuê bao về Thông tư này và kế hoạch, quy trình đăng ký thông tin thuê bao di động trả trước của doanh nghiệp.

8. Tổ chức, kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định, các văn bản hướng dẫn thực hiện Thông tư này và các quy trình đăng ký thông tin thuê bao di động trả trước của doanh nghiệp đối với chủ điểm đăng ký thông tin thuê bao.

9. Chấm dứt hợp đồng ủy quyền đăng ký thông tin thuê bao di động trả trước với chủ điểm đăng ký thông tin thuê bao vi phạm các hành vi bị nghiêm cấm quy định tại Điều 5 và Khoản 2 Điều 8 của Thông tư này theo yêu cầu của Sở Thông tin và Truyền thông trên địa bàn. Đối với chủ điểm đăng ký thông tin thuê bao vi phạm các quy định tại Điều 5 ngoài việc chấm dứt hợp đồng ủy quyền thì doanh nghiệp cung cấp dịch vụ di động phải gửi văn bản thông báo đến Sở Thông tin và Truyền thông trên địa bàn để có văn bản yêu cầu các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ di động khác phối hợp chấm dứt hợp đồng ủy quyền đăng ký thông tin thuê bao di động trả trước với các chủ điểm đăng ký thông tin thuê bao vi phạm và chỉ được ký lại hợp đồng ủy quyền với chủ điểm đăng ký thông tin thuê bao bị vi phạm sau 2 năm kể từ ngày chấm dứt.

10. Khi có yêu cầu từ cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về số chứng minh nhân dân, hộ chiếu của chủ thuê bao để kiểm tra, đối soát số liệu thông tin thuê bao di động trả trước đã đăng ký để phát hiện, xử lý những trường hợp vi phạm các quy định về quản lý thuê bao di động trả trước thì phải cung cấp đầy đủ.

11. Giải quyết các khiếu nại của khách hàng về việc đăng ký, lưu giữ và sử dụng thông tin thuê bao di động trả trước của doanh nghiệp.

12. Chịu sự thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

13. Hướng dẫn chủ thuê bao đi đăng ký lại tại các điểm đăng ký thông tin thuê bao được uỷ quyền, nếu sau khi nhận được thông báo của doanh nghiệp, hoặc tự kiểm tra phát hiện thông tin đã đăng ký không chính xác.

14. Báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông định kỳ và đột xuất khi có yêu cầu về các nội dung quản lý thuê bao di động trả trước quy định tại Thông tư này. Hàng tháng các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ di động báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông định kỳ trước ngày 10 tháng sau về tình hình thực hiện đăng ký thông tin thuê bao tháng trước theo phụ lục 1.

15. Chủ động phối hợp với Tổng công ty Bưu chính Việt Nam, Công ty cổ phần Bưu chính Viettel, Trung tâm Bưu chính Sài Gòn để sử dụng chung địa điểm với các Điểm Bưu điện Văn hóa xã, các Bưu cục các cấp vào việc đăng ký thông tin thuê bao.

16. Chủ động tổ chức và phối hợp với các cơ quan báo chí Trung ương và địa phương để phổ biến, tuyên truyền các quy định về quản lý thuê bao di động trả trước.

17. Công bố và đăng tải trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ di động danh sách các chủ điểm đăng ký thông tin thuê bao được uỷ quyền đăng ký thông tin thuê bao di động trả trước.

18. Cung cấp số điện thoại, bộ phận thường trực cho các Sở Thông tin và Truyền thông phục vụ việc quản lý thuê bao di động trả trước.

Điều 15. Trách nhiệm của chủ điểm đăng ký thông tin thuê bao

1. Đảm bảo đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 8.

2. Kiểm tra, đối chiếu, đăng ký, quản lý thông tin thuê bao di động trả trước theo đúng các quy định tại Thông tư này và quy trình đăng ký thông tin thuê bao di động trả trước của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ di động.

3. Chịu trách nhiệm kiểm tra, cập nhật và chuyển kịp thời, chính xác số liệu thông tin thuê bao di động trả trước đã đăng ký tại điểm đăng ký thông tin thuê bao của mình cho doanh nghiệp cung cấp dịch vụ di động.

4. Giải quyết các khiếu nại của chủ thuê bao về việc đăng ký, quản lý thông tin thuê bao đã đăng ký với mình.

5. Chịu sự thanh tra, kiểm tra và chấp hành các quyết định thanh kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

6. Thông báo với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ di động, Sở Thông tin và Truyền thông hoặc các cơ quan có thẩm quyền khi phát hiện các vi phạm trong quá trình đăng ký, lưu giữ và sử dụng thông tin thuê bao di động trả trước.

Điều 16. Trách nhiệm của chủ thuê bao di động trả trước

1. Thực hiện việc đăng ký thông tin thuê bao theo quy định tại Thông tư này.
2. Tạo điều kiện cần thiết để các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ di động, chủ điểm đăng ký thông tin thuê bao được uỷ quyền thực hiện việc kiểm tra, xác nhận các thông tin thuê bao đã cung cấp nhằm bảo vệ quyền và lợi ích của mình trong quá trình sử dụng.
3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của thông tin thuê bao mà mình đăng ký.
4. Đăng ký lại thông tin thuê bao khi có thay đổi về chủ thuê bao.
5. Thông báo với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ di động hoặc chủ điểm đăng ký thông tin thuê bao được uỷ quyền hoặc các cơ quan có thẩm quyền khi phát hiện các vi phạm trong quá trình đăng ký, lưu giữ và sử dụng thông tin thuê bao di động trả trước.

Điều 17. Trách nhiệm của Đại lý phân phối SIM thuê bao

1. Đảm bảo tuân thủ giao kết hợp đồng về phân phối SIM thuê bao và các quy định tại Thông tư này.
2. Chịu sự thanh tra, kiểm tra và chấp hành các quyết định thanh kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
3. Thông báo với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ di động, Sở Thông tin và Truyền thông hoặc các cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại địa phương khi phát hiện các vi phạm trong quá trình phân phối SIM thuê bao, đăng ký, lưu giữ và sử dụng thông tin thuê bao di động trả trước.

CHƯƠNG IV

THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 18. Thanh tra, kiểm tra

Việc thanh tra, kiểm tra các hoạt động đăng ký, lưu giữ và sử dụng thông tin thuê bao di động trả trước theo Thông tư này do Thanh tra chuyên ngành Thông tin và Truyền thông thực hiện theo quy định tại Luật Thanh tra và các văn bản hướng dẫn khác có liên quan.

Điều 19. Xử lý vi phạm

1. Việc xử phạt hành vi vi phạm hành chính về quản lý thuê bao di động trả trước được thực hiện theo Nghị định số 83/2011/NĐ-CP ngày 20 tháng 9

năm 2011 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực viễn thông.

2. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ di động, chủ điểm đăng ký thông tin thuê bao, Đại lý phân phối SIM thuê bao và người sử dụng dịch vụ di động trả trước vi phạm các quy định tại Thông tư này tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

3. Để phục vụ cho việc xử lý hình phạt bổ sung theo quy định tại Khoản 7 Điều 19, Nghị định số 83/2011/NĐ-CP ngày 20 tháng 9 năm 2011 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực viễn thông đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 4 Điều 5 của Thông tư này, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ di động có trách nhiệm giữ nguyên số thuê bao, tài khoản, thời hạn sử dụng tính từ thời điểm thẻ SIM bị tịch thu. Việc tịch thu, nộp ngân sách nhà nước tiền có trong tài khoản trong SIM bị tịch thu theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

CHƯƠNG V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2012 và thay thế cho Thông tư số 22/2009/TT-BTTTT ngày 24 tháng 6 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành Quy định quản lý thuê bao di động trả trước.

Điều 21. Quy định chuyển tiếp

1. Các điểm đăng ký thông tin thuê bao không đáp ứng được điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 8 phải ngừng hoạt động tiếp nhận, đăng ký thuê bao di động trả trước sau 06 tháng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

2. Sau 03 tháng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực, thuê bao di động trả trước quy định tại Điều 6 không đăng ký thông tin thuê bao theo quy định hoặc cung cấp thông tin không chính xác sẽ bị chấm dứt hoạt động. Các thuê bao này muốn sử dụng lại dịch vụ phải làm thủ tục như đối với thuê bao mới.

3. Sau 06 tháng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực, Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ di động tổ chức và hướng dẫn phương thức truy cập trên Website để chủ thuê bao di động trả trước biết, truy cập, kiểm tra được thông tin thuê bao của chính số thuê bao mà mình đang sử dụng theo quy định tại Khoản 1 Điều 12.

4. Sau 03 tháng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực, Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ di động tổ chức triển khai điểm đăng ký thông tin thuê bao của doanh nghiệp theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 14.

5. Sau 06 tháng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực, Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ di động tổ chức triển khai điểm đăng ký thông tin thuê bao của doanh nghiệp theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 14.

Điều 22. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, Cục trưởng Cục viễn thông, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tổng giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ di động và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản);
- Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ di động;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Các Thứ trưởng Bộ TTTT;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ TTTT;
- Lưu: VT, Cục VT (5b).



Nguyễn Bắc Sơn

Phụ lục: Mẫu biểu báo cáo quản lý thuê bao di động trả trước
(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2012/TT-BTTTT ngày 13 tháng 4 năm 2012)

Tên doanh nghiệp:
Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tỉnh/Thành phố, Ngày.... tháng....năm....

Kính gửi: Cục Viễn thông - Bộ Thông tin và Truyền thông
Báo cáo tình hình thực hiện quản lý thuê bao di động trả trước thángnăm....

I/ Tình hình quản lý thuê bao di động trả trước:

TT	Nội dung		Số lượng	Ghi chú
1	Số lượng thuê bao di động trả trước	Thuê bao đang hoạt động 02 chiều		
		Thuê bao đã bị khóa 1 chiều		
		Thuê bao đã bị khóa 02 chiều đang lưu giữ trên hệ thống trong 30 ngày		
		Thuê bao đã đăng ký thông tin nhưng chủ thuê bao chưa kích hoạt sử dụng sau 72 giờ		
2	Tổng số thuê bao đã đăng ký thông tin kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2012(*).			
3	Tổng số thuê bao đã hoạt động trước ngày 01 tháng 6 năm 2012 chưa đăng ký thông tin			
4	Số lượng chủ thuê bao đại diện cho cơ quan, tổ chức (**)			
5	Tổng số thuê bao mà chủ thuê bao đại diện cho cơ quan, tổ chức			

*: Bao gồm thuê bao đang hoạt động 2 chiều, thuê bao đã bị khóa 1 chiều, thuê bao đã bị khóa 02 chiều đang lưu giữ trên hệ thống trong 30 ngày và thuê bao đã đăng ký thông tin nhưng chủ thuê bao chưa kích hoạt sử dụng.

**: Chủ thuê bao xác định theo sổ chứng minh nhân dân

(Số liệu được tính trong thời gian một tháng tính từ 00h00 ngày đầu tiên đến 24h00 ngày cuối cùng của tháng báo cáo)

II/ Tình hình quản lý chủ điểm đăng ký thông tin thuê bao được ủy quyền

1	Tổng số điểm đăng ký thông tin thuê bao được ủy quyền		
2	Tổng số điểm đăng ký thông tin thuê bao ủy quyền được phát triển mới sau ngày 01 tháng 6 năm 2012		
3	Số điểm đăng ký thông tin thuê bao bị đình chấm dứt hợp đồng do vi phạm quy định		

(Số liệu được tính trong thời gian một tháng tính từ 00h00 ngày đầu tiên đến 24h00 ngày cuối cùng của tháng báo cáo)

Nơi nhận:
- Như trên;

Thủ trưởng đơn vị

(Ghi rõ chức vụ, ký tên, đóng dấu)